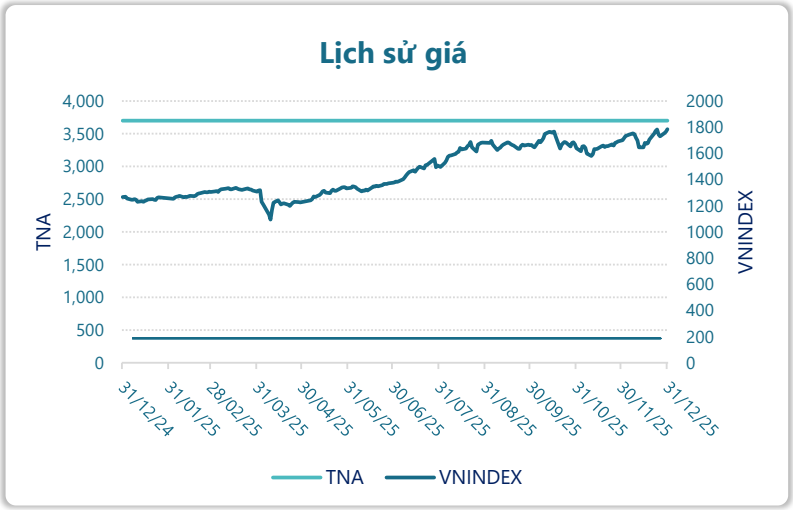
FireAnt

CTCP Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thiên Nam (UPCOM: TNA)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,700
SL cổ phiếu LH	49,231,310
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	182
P/E	-3.3
EPS	-1,118

DT thuần

Q4/25

32.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.5| -35.0%

YoY: ▼496| -93.8%

LN sau thuế

Q4/25

-20.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.1| -97.5%

YoY: ▲ 4.60| 18.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-6.4%

+/- YoY: ▼ 5.6%

DT thuần

2025

124

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,123| -90.1%

LN sau thuế

2025

-55.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.30| 10.2%

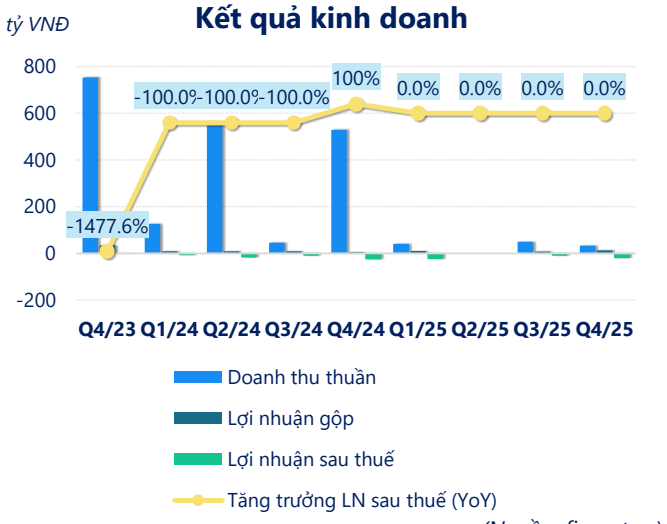
ROE

2025

-11.7%

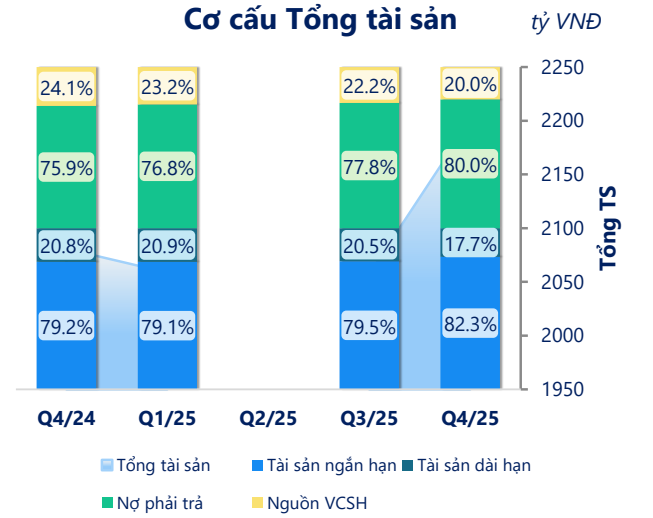
+/- YoY: ▼ 0.4%

Kết quả kinh doanh



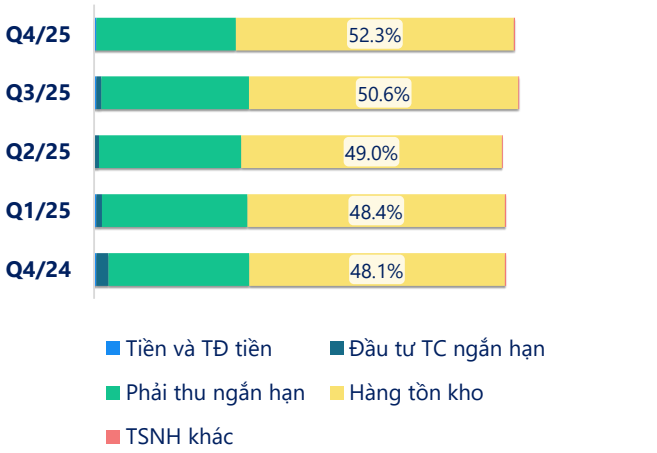
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



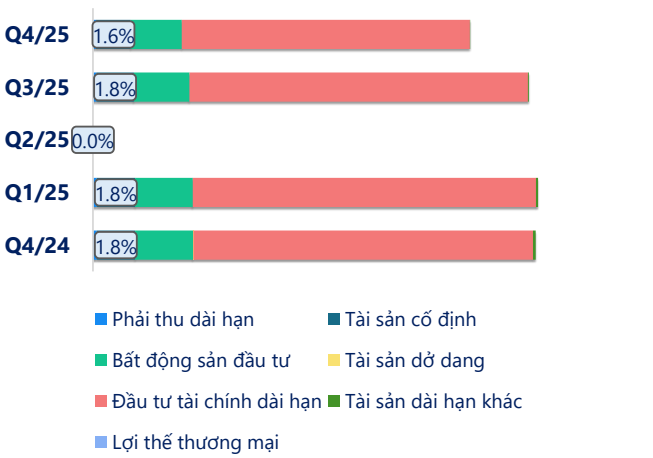
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



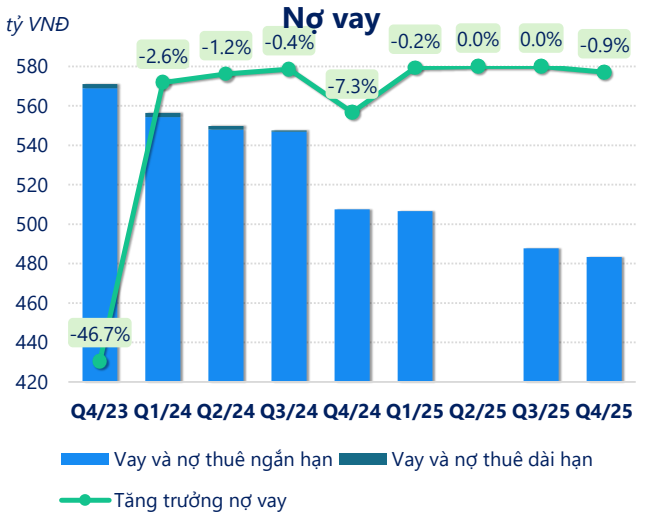
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



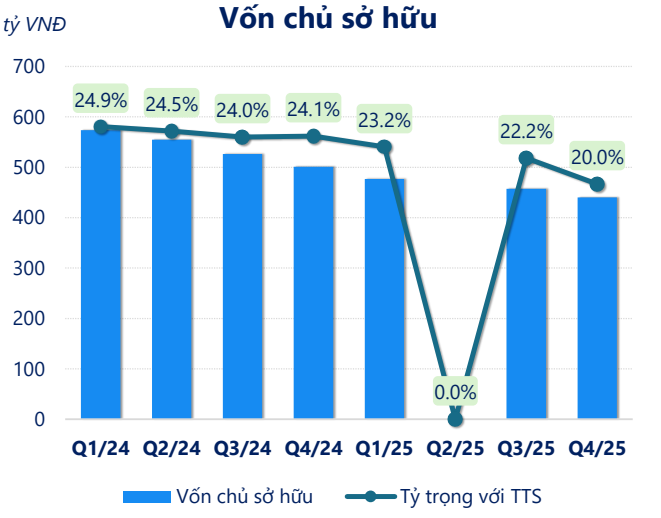
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



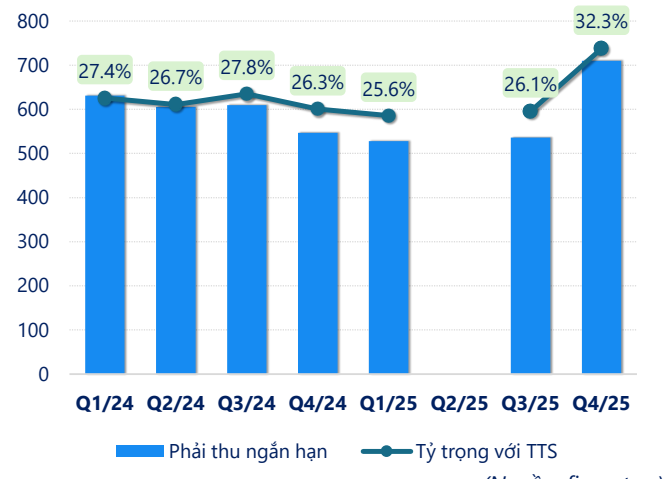
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



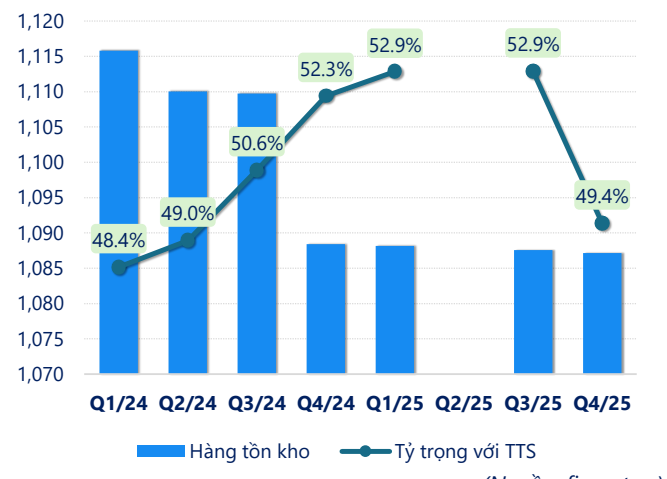
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



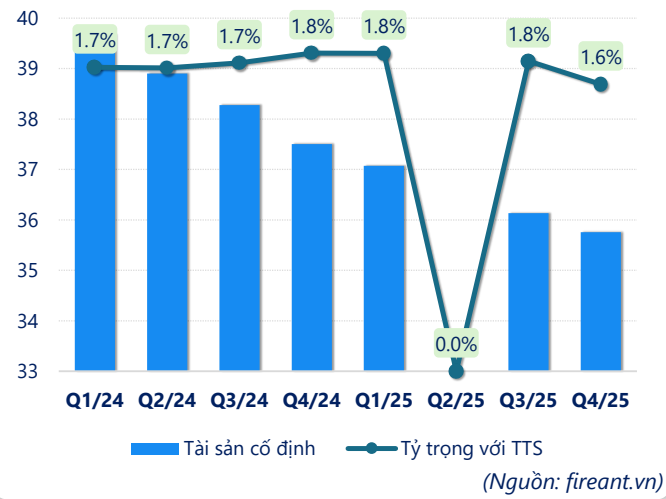
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



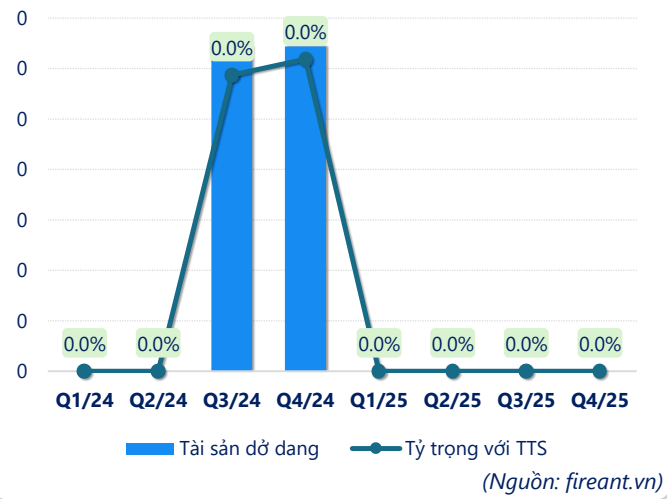
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



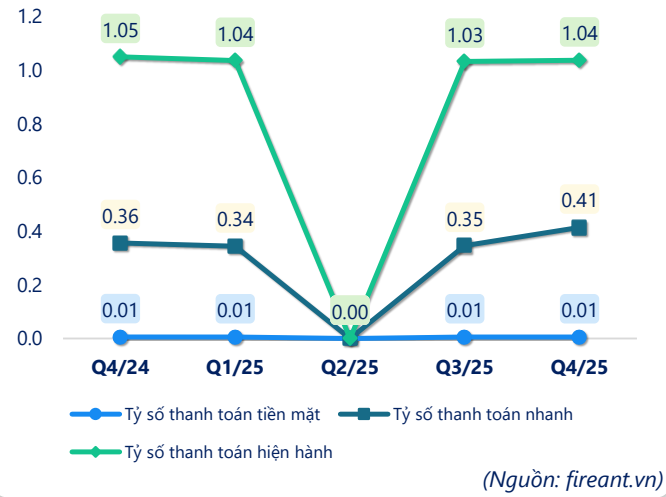
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



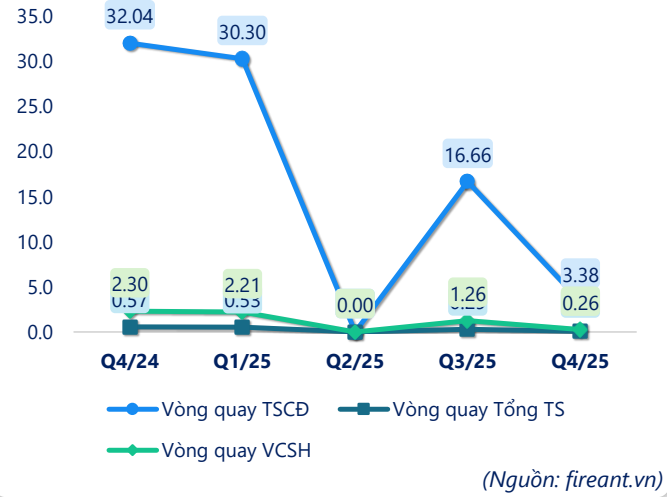
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,081**	**2,059**		**2,057**	**2,200**
Tài sản ngắn hạn	**1,648**	**1,628**		**1,636**	**1,810**
Tiền và tương đương tiền	8.83	8.00		8.05	8.76
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0		0	0
Phải thu ngắn hạn	547	528		536	710
Hàng tồn kho	1,088	1,088		1,088	1,087
Tài sản ngắn hạn khác	3.98	4.17		4.06	4.00
Tài sản dài hạn	**433**	**431**		**422**	**390**
Phải thu dài hạn	3.64	3.64		3.34	3.34
Tài sản cố định	37.5	37.1		36.1	35.8
Bất động sản đầu tư	57.0	55.9		53.8	52.8
Tài sản dở dang	0.13	0		0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	332	332		327	298
Tài sản dài hạn khác	2.55	1.95		1.01	0.43
Lợi thế thương mại	0	0		0	0
Nợ phải trả	**1,580**	**1,582**		**1,600**	**1,760**
Nợ ngắn hạn	**1,570**	**1,572**		**1,585**	**1,746**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	508	507		488	483
Phải trả người bán ngắn hạn	685	652		566	543
Nợ dài hạn	9.88	9.74		15.7	13.9
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0		0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**501**	**477**		**457**	**440**
Vốn chủ sở hữu	**501**	**477**		**457**	**440**
Vốn điều lệ	496	496		496	496
Kinh phí và quỹ khác	0	0		0	0

(Nguồn: fireant.vn)